



**Công ty Cổ phần Sản xuất và
Thương mại Nam Hoa**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký	4103002302	ngày 11 tháng 5 năm 2004
Kinh doanh số	4103002302 (điều chỉnh lần 1)	ngày 18 tháng 6 năm 2004
	4103002302 (điều chỉnh lần 2)	ngày 16 tháng 11 năm 2007
	0303292182 (điều chỉnh lần 3)	ngày 5 tháng 4 năm 2010
	0303292182 (điều chỉnh lần 4)	ngày 9 tháng 9 năm 2016
	0303292182 (điều chỉnh lần 5)	ngày 15 tháng 1 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Ngô Văn Hòa Ông Nguyễn Văn Hoàng Ông Takano Satoshi Ông Nguyễn Ánh Ngọc Ông Nguyễn Văn Toàn	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Tiến Thọ Ông Ngô Văn Hòa Ông Nguyễn Ánh Ngọc Ông Phạm Vi Giáp Dương Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 1 năm 2018) Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 1 năm 2018) Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Sản xuất Giám đốc Hành chính
---------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	121 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17 Quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 1 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 1 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán: 17-01-458



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 1 năm 2018

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND'000	1/1/2017 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		78.913.161	35.237.633
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	50.174.867	4.711.337
Tiền	111		10.174.867	4.711.337
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.286.607	11.733.403
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	8.087.316	11.262.318
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		179.800	361.501
Phải thu ngắn hạn khác	136		29.492	119.585
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.001)	(10.001)
Hàng tồn kho	140	7	15.270.086	15.669.612
Hàng tồn kho	141		16.384.908	18.732.360
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.114.822)	(3.062.748)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.181.601	3.123.281
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		387.708	507.540
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11(b)	4.793.893	2.615.741
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		35.880.885	38.494.546
Tài sản cố định	220		35.205.230	38.116.146
Tài sản cố định hữu hình	221	8	31.543.272	34.400.588
Nguyên giá	222		55.073.892	54.963.168
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.530.620)	(20.562.580)
Tài sản cố định vô hình	227	9	3.661.958	3.715.558
Nguyên giá	228		3.845.425	3.845.425
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(183.467)	(129.867)
Tài sản dài hạn khác	260		675.655	378.400
Chi phí trả trước dài hạn	261		675.655	378.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		114.794.046	73.732.179

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND'000	1/1/2017 VND'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		26.784.641	14.882.179
Nợ ngắn hạn	310		26.684.641	14.432.479
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	4.813.500	4.977.303
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.542.303	2.383.601
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11(a)	13.532.247	4.091.056
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	3.757.594	2.448.345
Phải trả ngắn hạn khác	319		38.997	65.374
Vay ngắn hạn	320		-	466.800
Nợ dài hạn	330		100.000	449.700
Phải trả dài hạn khác	337		100.000	100.000
Vay dài hạn	338		-	349.700
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		88.009.405	58.850.000
Vốn chủ sở hữu	410	13	88.009.405	58.850.000
Vốn cổ phần	411	14	54.954.910	54.954.910
Cổ phiếu quỹ	415	14	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.054.495	3.895.090
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		3.895.090	2.094.426
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.159.405	1.800.664
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		114.794.046	73.732.179

Ngày 25 tháng 1 năm 2018

Người lập:

Trình Hữu Ngân
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tiến Thọ
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND'000	2016 VND'000
Doanh thu bán hàng	01	17	173.358.555	100.820.833
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	229.080	5.629
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	17	173.129.475	100.815.204
Giá vốn hàng bán	11	18	96.077.853	64.954.742
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		77.051.622	35.860.462
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	778.700	283.930
Chi phí tài chính	22	20	277.221	396.738
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.202	244.135
Chi phí bán hàng	25	21	3.937.805	11.136.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	9.287.933	8.270.871
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		64.327.363	16.340.292
Thu nhập khác	31	23	557.192	1.439.860
Chi phí khác	32	24	341.895	360.817
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		215.297	1.079.043
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		64.542.660	17.419.335
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	13.499.175	4.676.631
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		51.043.485	12.742.704
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	70	27	9.330	2.329

Ngày 25 tháng 1 năm 2018

Người lập:



Trịnh Hữu Ngân
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND'000	2016 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		64.542.660	17.419.335
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.053.115	4.125.854
Các khoản dự phòng	03		(1.947.926)	(942.544)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		18.573	(55.914)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(607.955)	(138.387)
Chi phí lãi vay	06		23.202	244.135
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		66.081.669	20.652.479
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		1.254.571	(1.293.684)
Biến động hàng tồn kho	10		2.347.452	8.950.708
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.291.293	2.089.427
Biến động chi phí trả trước	12		(177.423)	332.260
			72.797.562	30.731.190
Tiền lãi vay đã trả	14		(27.432)	(268.195)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.067.373)	(4.914.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		68.702.757	25.548.215
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(1.149.917)	(1.073.798)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	208.150
Tiền thu lãi tiền gửi	27		615.673	3.627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(534.244)	(862.021)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND'000	2016 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	23.444.985
Tiền trả nợ gốc vay	34	(816.500)	(36.327.606)
Tiền trả cổ tức	36	(21.884.080)	(10.942.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.700.580)	(23.824.661)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	45.467.933	861.533
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.711.337	3.798.090
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.403)	51.714
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	50.174.867	4.711.337

Ngày 25 tháng 1 năm 2018

Người lập:



Trịnh Hữu Ngân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu 4103002302 ngày 11 tháng 5 năm 2014 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi bổ sung.

Kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 956/QĐ-SGHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 24 tháng 11 năm 2017.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất, các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 401 nhân viên (1/1/2017: 371 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	7 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 - 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán [năm]. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất, các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo khu vực địa lý (*)

	Nhật Bản		Châu Âu		Mỹ		Khác		Tổng	
	2017 VND'000	2016 VND'000	2017 VND'000	2016 VND'000	2017 VND'000	2016 VND'000	2017 VND'000	2016 VND'000	2017 VND'000	2016 VND'000
Doanh thu thuần bán hàng	33.448.851	25.002.083	121.504.896	58.440.889	12.031.582	12.878.410	6.144.146	4.493.822	173.129.475	100.815.204
Giá vốn	24.479.167	18.822.379	60.025.874	26.247.100	6.495.769	6.397.634	5.077.043	13.487.629	96.077.853	64.954.742
Kết quả kinh doanh bộ phận	8.969.684	6.179.704	61.479.022	32.193.789	5.535.813	6.480.776	1.067.103	(8.993.807)	77.051.622	35.860.462
Thu nhập không phân bổ									778.700	283.930
Chi phí không phân bổ									13.502.959	19.804.100
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									64.327.363	16.340.292
Thu nhập khác									557.192	1.439.860
Chi phí khác									341.895	360.817
Thuế thu nhập doanh nghiệp									13.499.175	4.676.631
Lợi nhuận thuần sau thuế									51.043.485	12.742.704

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Nhật Bản		Châu Âu		Mỹ		Khác		Tổng	
	31/12/2017 VND'000	1/1/2017 VND'000	31/12/2017 VND'000	1/1/2017 VND'000	31/12/2017 VND'000	1/1/2017 VND'000	31/12/2017 VND'000	1/1/2017 VND'000	31/12/2017 VND'000	1/1/2017 VND'000
Tài sản của bộ phận (*)	-	-	5.688.088	9.865.119	1.854.236	821.486	544.992	575.713	8.087.316	11.262.318
Tài sản không phân bổ									106.706.730	62.469.861
Tổng tài sản									114.794.046	73.732.179
Nợ phải trả của bộ phận (*)	3.187.883	1.831.016	129.333	127.902	1.225.087	-	-	424.683	4.542.303	2.383.601
Các khoản nợ không phân bổ									22.242.338	12.498.578
Tổng nợ phải trả									26.784.641	14.882.179

(*) Theo vị trí của khách hàng.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND'000	VND'000
Tiền mặt	184.114	108.251
Tiền gửi ngân hàng	9.990.753	4.603.086
Các khoản tương đương tiền	40.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	50.174.867	4.711.337
	<hr/>	<hr/>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND'000	VND'000
Rosendahl Design Group	5.688.088	9.865.119
Stanley Works (Europe) Ag	1.631.972	821.486
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thành phố Hồ Chí Minh - Fahasha	93.275	270.500
Các khách hàng khác	673.981	305.213
	<hr/>	<hr/>
	8.087.316	11.262.318
	<hr/>	<hr/>

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	3.582	-
Nguyên vật liệu	4.842.867	250.323	5.407.247	318.145
Công cụ và dụng cụ	287.194	36.259	346.399	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.881.672	-	2.478.787	-
Thành phẩm	4.205.095	828.240	10.496.345	2.744.603
Hàng gửi đi bán	1.168.080	-	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	16.384.908	1.114.822	18.732.360	3.062.748
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Số dư đầu năm	3.062.748	7.295.109
Tăng dự phòng trong năm	207.165	362.563
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.155.091)	(1.305.107)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(3.289.817)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.114.822	3.062.748

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 1.240 triệu VND (1/1 2017: 6.732 triệu VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 254 triệu VND (1/1/2017: 318 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	36.644.959	14.809.257	245.517	3.263.435	54.963.168
Tăng trong năm	548	1.149.369	-	-	1.149.917
Xóa sổ	-	(1.039.193)	-	-	(1.039.193)
Số dư cuối năm	36.645.507	14.919.433	245.517	3.263.435	55.073.892
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.717.810	10.695.560	155.886	993.324	20.562.580
Khấu hao trong năm	1.969.107	1.506.546	31.040	492.822	3.999.515
Xóa sổ	-	(1.031.475)	-	-	(1.031.475)
Số dư cuối năm	10.686.917	11.170.631	186.926	1.486.146	23.530.620
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	27.927.149	4.113.697	89.631	2.270.111	34.400.588
Số dư cuối năm	25.958.590	3.748.802	58.591	1.777.289	31.543.272

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 5.356 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 6.826 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND'000	Phần mềm máy vi tính VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	3.465.425	380.000	3.845.425
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	129.867	129.867
Khấu hao trong năm	-	53.600	53.600
Số dư cuối năm	-	183.467	183.467
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.465.425	250.133	3.715.558
Số dư cuối năm	3.465.425	196.533	3.661.958

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 112 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 112 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH MTV Đài Kinh Bắc	1.028.481	1.028.481	639.829	639.829
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ An Thịnh Phước	651.667	651.667	903.405	903.405
Công ty TNHH Thương mại Gỗ Bắc Mỹ	548.214	548.214	1.598.827	1.598.827
Công ty TNHH Tong Jou Việt Nam	418.792	418.792	263.164	263.164
Các nhà cung cấp khác	2.166.346	2.166.346	1.572.078	1.572.078
	4.813.500	4.813.500	4.977.303	4.977.303

11. Thuế

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	Số cần trừ trong năm VND'000	31/12/2017 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.067.373	13.499.175	(4.067.373)	-	13.499.175
Thuế giá trị gia tăng	-	119.533	-	(119.533)	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.683	1.494.908	(1.485.519)	-	33.072
	4.091.056	15.113.616	(5.552.892)	(119.533)	13.532.247

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2017 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Số được hoàn lại trong năm VND'000	Số cần trừ trong năm VND'000	31/12/2017 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	2.615.741	5.796.224	(3.498.539)	(119.533)	4.793.893

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND'000	VND'000
Tiền thưởng cho nhân viên	2.835.259	1.864.011
Lãi vay	-	4.230
Chi phí phải trả khác	922.335	580.104
	3.757.594	2.448.345

13. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND'000	Cổ phiếu quỹ VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	45.975.200	-	8.979.710	2.094.426	57.049.336
Chuyển đổi từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	8.979.710	-	(8.979.710)	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	12.742.704	12.742.704
Cổ tức chi trả (Thuyết minh 15)	-	-	-	(10.942.040)	(10.942.040)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	54.954.910	-	-	3.895.090	58.850.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	51.043.485	51.043.485
Cổ tức chi trả (Thuyết minh 15)	-	-	-	(21.884.080)	(21.884.080)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	54.954.910	-	-	33.054.495	88.009.405

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Vốn cổ phần

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.495.491	54.954.910	5.495.491	54.954.910
<i>Trong đó:</i>				
▪ <i>Cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết</i>	5.471.020	54.954.910	5.471.020	54.954.910
▪ <i>Cổ phiếu quỹ</i>	24.471	-	24.471	-

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Số dư đầu năm	54.954.910	45.975.200
Chuyển đổi từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trong năm (i)	-	8.979.710
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm (ii)	-	-
Số dư cuối năm	54.954.910	54.954.910

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

- (i) Vào ngày 13 tháng 8 năm 2016, Công ty đã chuyển đổi số thặng dư vốn cổ phần 8.979 triệu VND thành 897.971 cổ phiếu thường.
- (ii) Vào ngày 9 tháng 9 năm 2016, Công ty đã mua lại 24.471 cổ phiếu quỹ với giá bằng không.

15. Cổ tức

Trong cuộc họp tại ngày 22 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức cho năm 2017 là 21.884.080.000 VND (4.000 VND mỗi cổ phần) cho các cổ đông (2016: 10.942.040.000 VND).

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND'000	VND'000
Trong vòng một năm	25.000	180.000
	25.000	180.000

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	419.601	9.516.546	177.825	4.040.492
EUR	721	19.443	1.882	44.440
		9.535.989		4.084.932
		9.535.989		4.084.932

17. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	173.358.555	100.820.833
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(229.080)	(5.629)
Doanh thu thuần	173.129.475	100.815.204
	173.129.475	100.815.204

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	98.025.779	58.927.272
▪ Thanh lý hàng tồn kho	-	6.970.014
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.947.926)	(942.544)
	96.077.853	64.954.742
	96.077.853	64.954.742

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Lãi tiền gửi	615.673	3.627
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	163.027	224.389
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	55.914
	778.700	283.930
	778.700	283.930

20. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Chi phí lãi vay	23.202	244.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	232.140	152.603
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.574	-
Chi phí tài chính khác	3.305	-
	277.221	396.738
	277.221	396.738

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí bán hàng

	2017 VND'000	2016 VND'000
Chi phí nhân viên	1.310.566	1.380.454
Chi phí hàng mẫu và bao bì	13.664	7.300.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.885.054	1.937.593
Chi phí khác	728.521	517.958
	<hr/> 3.937.805	<hr/> 11.136.491

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND'000	2016 VND'000
Chi phí nhân viên	6.569.730	4.485.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.185.012	1.009.662
Chi phí khấu hao	537.831	496.662
Chi phí khác	995.360	2.278.604
	<hr/> 9.287.933	<hr/> 8.270.871

23. Thu nhập khác

	2017 VND'000	2016 VND'000
Phí thử nghiệm	252.408	109.823
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	134.760
Bồi thường từ nhà cung cấp	-	470.030
Hoàn trả chi phí khuôn	-	453.011
Thu nhập khác	304.784	272.236
	<hr/> 557.192	<hr/> 1.439.860

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí khác

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã xóa sổ	7.718	-
Phí nộp phạt	-	344.347
Chi phí khác	334.177	16.470
	341.895	360.817

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	49.169.093	19.881.440
Chi phí nhân công và nhân viên	46.367.341	33.940.680
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.053.115	4.125.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.253.532	5.826.447
Chi phí khác	3.679.186	11.319.829
	109.522.267	75.094.250

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	13.499.175	4.067.372
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	609.259
	13.499.175	4.676.631

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND'000	2016 VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.542.660	17.419.335
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.908.532	3.483.867
Chi phí không được khấu trừ thuế	590.643	594.688
Dự phòng thiếu trong năm trước	-	609.259
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	(11.183)
	13.499.175	4.676.631

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế trong năm hoạt động kinh doanh.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20% cho năm 2017 (2016: 20%).

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	51.043.485	12.742.704

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	5.471.020	4.597.520
Ảnh hưởng của việc phát hành từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ Công ty mua lại trong năm (Thuyết minh 14)	-	873.500
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	5.471.020	5.471.020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2017	2016
	VND'000	VND'000
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.435.259	2.599.309
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	400.000	-

Ngày 25 tháng 1 năm 2018

Người lập:

Trịnh Hữu Ngân
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Tiên Thọ
 Tổng Giám đốc

